

Số: 08/TB-UBND

Tam Nông, ngày 21 tháng 01 năm 2019

THÔNG BÁO

Về việc tuyển dụng viên chức ngành giáo dục năm học 2018-2019

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức; Thông tư số 04/2015/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2015 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BNV ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ về việc ban hành quy chế thi tuyển, xét tuyển viên chức; Quy chế thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức và nội quy kỳ thi tuyển, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;

Căn cứ Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quy định phân cấp về quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, các Hội, doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Công văn số 320/UBND-KGVX ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc áp dụng quy đối tương đương đối với trình độ ngoại ngữ trong tuyển dụng, thăng hạng viên chức kể từ năm 2018;

Căn cứ Kế hoạch số 182/KH-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông về việc tuyển dụng viên chức ngành giáo dục năm 2018;

Căn cứ Công văn số 100/SNV-CCVC ngày 14 tháng 01 năm 2019 của Sở Nội vụ tỉnh Đồng Tháp về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng viên chức ngành giáo dục và Đào tạo của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông;

Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông thông báo tuyển dụng viên chức ngành giáo dục vào công tác tại các điểm trường trên địa bàn như sau:

I. Điều kiện và tiêu chuẩn người đăng ký dự tuyển

1. Các điều kiện chung

- Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;

- Từ đủ 18 tuổi trở lên;
- Có đơn đăng ký dự tuyển;
- Có lý lịch rõ ràng;
- Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với vị trí việc làm, tiêu chuẩn của vị trí cần tuyển.
- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;
- Có đủ sức khỏe để đảm nhận nhiệm vụ;

*** Điều kiện bổ sung:** Không dị tật, nói lắp, nói ngọng, viết sai chính tả.

2. Các điều kiện cụ thể theo từng vị trí tuyển dụng

2.1. Đối với chức danh nghề nghiệp Giáo viên Mầm non hạng IV – Mã số: V.07.02.06:

- + Có bằng tốt nghiệp Trung cấp sư phạm Mầm non trở lên;
- + Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (gọi tắt là trình độ ngoại ngữ bậc 1) hoặc chứng chỉ tiếng Anh trình độ A trở lên hoặc tương đương;

+ Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (gọi tắt là trình độ tin học đạt chuẩn công nghệ thông tin cơ bản) hoặc chứng chỉ tin học trình độ A trở lên đối với các khoá đào tạo, cấp chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C (theo Quyết định số 21/2000/QĐ-BGDĐT ngày 03 tháng 7 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình tin học ứng dụng A, B, C) đang triển khai trước ngày Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21 tháng 6 năm 2016 có hiệu lực (gọi tắt là chứng chỉ tin học trình độ A trở lên).

2.2. Đối với chức danh nghề nghiệp Giáo viên THCS hạng III – Mã số: V.07.04.12:

- + Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trở lên hoặc cao đẳng các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên Trung học cơ sở;

+ Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 hoặc chứng chỉ tiếng Anh trình độ A trở lên hoặc tương đương. Riêng đối với giáo viên dạy tiếng Anh phải có chứng chỉ đạt trình độ từ B2 (hoặc tương đương) trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định;

- + Có trình độ tin học đạt chuẩn công nghệ thông tin cơ bản hoặc chứng chỉ tin học trình độ A trở lên.

3. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển

- Không cư trú tại Việt Nam;
- Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

II. Hình thức và nội dung xét tuyển

1. Hình thức: Xét tuyển thông qua phỏng vấn về chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Nội dung xét tuyển: Gồm 2 phần, như sau:

- Xét kết quả học tập bao gồm điểm học tập và điểm tốt nghiệp của người dự tuyển.
- Kiểm tra, sát hạch thông qua phỏng vấn về năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển theo vị trí cần tuyển. Cụ thể:

+ Người dự tuyển được kiểm tra bằng hình thức phỏng vấn các nội dung sau: Phần pháp luật viên chức và Phần pháp luật về ngành Giáo dục và Đào tạo (*Danh mục tài liệu được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Phòng Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) tại địa chỉ <http://pgdtamnung.edu.vn/>*). Nội dung cụ thể do Ban kiểm tra, sát hạch xây dựng tham mưu cho Hội đồng tuyển dụng phê duyệt;

+ Thí sinh bốc thăm đề và chuẩn bị nội dung trình bày: 10 phút;

+ Trình bày và trả lời các câu hỏi của giám khảo: 10 phút.

3. Cách tính điểm xét tuyển

Được thực hiện theo quy định tại Điều 12, mục 3 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Điểm học tập được xác định bằng điểm trung bình cộng kết quả các môn học trong toàn bộ quá trình học tập của người dự xét tuyển ở trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí dự tuyển và được quy đổi theo thang điểm 100, tính hệ số 1.

b) Điểm tốt nghiệp được xác định bằng trung bình cộng kết quả của các môn thi tốt nghiệp hoặc điểm bảo vệ luận văn của người dự xét tuyển và được quy đổi theo thang điểm 100, tính hệ số 1.

c) Trường hợp người dự xét tuyển được đào tạo theo hệ thống tín chỉ thì điểm học tập đồng thời là điểm tốt nghiệp và được quy đổi theo thang điểm 100, tính hệ số 2.

d) Điểm phỏng vấn được tính theo thang điểm 100 và tính hệ số 2.

đ) Kết quả xét tuyển là tổng số điểm của điểm học tập, điểm tốt nghiệp, điểm phỏng vấn tính theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm d nêu trên.

Trường hợp người dự xét tuyển được đào tạo theo hệ thống tín chỉ thì kết quả xét tuyển là tổng số điểm được tính tại điểm c và điểm d nêu trên.

4. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức

a) Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức phải có đủ các điều kiện sau đây:

- Có điểm học tập, điểm tốt nghiệp và điểm phỏng vấn mỗi loại đạt từ 50 điểm trở lên;

- Có kết quả xét tuyển cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

b) Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả xét tuyển bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có điểm phỏng vấn cao hơn là người trúng tuyển; nếu điểm phỏng vấn bằng nhau thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên quy định tại Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

c) Trường hợp vẫn không xác định được người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên quy định tại điểm b nêu trên thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển.

d) Không thực hiện bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

III. Hồ sơ đăng ký xét tuyển

a) Đơn đăng ký dự tuyển (*theo mẫu*);

b) Sơ yếu lý lịch (*theo mẫu 2C-BNV/2008 của Bộ Nội vụ*) có dán ảnh và xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn nơi có hộ khẩu thường trú trong thời hạn 06 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;

c) Bản sao giấy khai sinh;

d) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập theo yêu cầu của vị trí dự tuyển, được cơ quan có thẩm quyền chứng thực. Trường hợp có văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt;

đ) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, tính từ ngày nộp hồ sơ dự tuyển;

e) Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng viên chức (nếu có) được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng thực.

f) 02 bao thư có dán tem và ghi rõ số điện thoại, địa chỉ liên hệ; 02 ảnh cỡ 4 x 6.

Hồ sơ đựng trong phong bì cỡ 24cm x 34cm (ngoài bì ghi đầy đủ các loại giấy tờ có trong hồ sơ). Hội đồng tuyển dụng không hoàn trả lại hồ sơ cho người

đăng ký dự tuyển.

* **Lưu ý:** Bản chính của các bản sao nêu trên bắt buộc phải mang theo trong ngày xét tuyển (để đối chiếu hồ sơ).

Danh sách trích ngang các hồ sơ dự tuyển sẽ được niêm yết tại trụ sở làm việc và Trang Thông tin điện tử của Phòng Giáo dục và Đào tạo.

IV. Thời gian và địa điểm nhận hồ sơ xét tuyển

1. Thời gian nhận hồ sơ: Kể từ ngày ra Thông báo đến hết ngày 22/02/2019. Kết thúc nhận hồ sơ lúc: 17 giờ 00 phút, ngày 22/02/2019.

2. Địa điểm phát hành và nhận hồ sơ: Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tam Nông. Địa chỉ: Đường Nguyễn Trãi, khóm 2, thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Điện thoại: (0277) 3507.828.

V. Chỉ tiêu, thời gian, địa điểm phỏng vấn, tổ chức tuyển dụng

1. Chỉ tiêu tuyển dụng

Chỉ tiêu cần tuyển: 40 viên chức, chia ra:

- Các vị trí giáo viên Mầm non, tuyển 32 giáo viên.
- Các vị trí giáo viên THCS, tuyển 08 giáo viên gồm: 02 Sinh học; 02 Giáo dục công dân; 02 Tin học, 02 Tiếng Anh.

2. Thời gian và địa điểm tổ chức phỏng vấn

- Thời gian tổ chức phỏng vấn: Dự kiến vào khoảng cuối tháng 02 năm 2019. Lịch phỏng vấn cụ thể sẽ có thông báo sau.

- Địa điểm tổ chức phỏng vấn: dự kiến tại điểm chính Trường Tiểu học Tràm Chim 2 (cạnh Trường THPT Tràm Chim). Địa chỉ: khóm 4, thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

3. Thời gian, địa điểm công bố công khai kết quả xét tuyển

- Công bố công khai kết quả xét tuyển dự kiến sau ngày kết thúc tổ chức phỏng vấn 07 ngày.

- Địa điểm: Niêm yết tại Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tam Nông và tại địa chỉ website: <http://pgdtamnong.edu.vn/>

4. Thời gian giải quyết khiếu nại, tố cáo và phúc khảo

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng xét tuyển công bố công khai kết quả xét tuyển, đồng thời Hội đồng sẽ nhận đơn đề nghị phúc khảo của người dự tuyển (không thực hiện việc phúc khảo đối với nội dung phỏng vấn).

5. Thời gian tổ chức xét tuyển, phân công nhiệm sở

- Thời gian: Dự kiến vào cuối tháng 3 năm 2019.

- Địa điểm: Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tam Nông.

VI. Lệ phí xét tuyển

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức (Tạm thu 500.000 đồng/hồ sơ tại thời điểm nộp hồ sơ dự tuyển).

Trên đây là thông báo tuyển dụng viên chức ngành giáo dục huyện. Trong quá trình lập hồ sơ đăng ký, nội dung nào cá nhân chưa rõ thì liên hệ Phòng GDĐT huyện Tam Nông, địa chỉ: Đường Nguyễn Trãi, khóm 2, thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp; số điện thoại (0277) 3507.828 để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Sở GD&ĐT;
- TT/HU; TT/HĐND huyện;
- CT và các PCT/UBND Huyện;
- Ban Tổ chức Huyện uỷ;
- Trường Đại học Đồng Tháp;
- Các Phòng: Nội vụ, GDĐT;
- Trung tâm VH-TTTT;
- Các Trường MN, TH, THCS trên địa bàn Huyện;
- Cổng thông tin điện tử Huyện;
- Cổng TTĐT Phòng GDĐT: pgdtamnong.edu.vn;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Na



**DANH MỤC TÀI LIỆU
PHÒNG VĂN VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC**

(Kèm theo Thông báo số 08 /TB-UBND ngày 21 /01/2019 của UBND huyện Tam Nông)

1. Phần pháp luật viên chức

- + Luật Viên chức ngày 15/11/2010;
- + Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
- + Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức;
- + Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ Về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức;
- + Nghị định số 88/2017/NĐ-CP ngày 27/7/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức;
- + Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;
- + Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/4/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy định về đạo đức nhà giáo.

2. Phần pháp luật về ngành Giáo dục và Đào tạo

2.1. Văn bản chung

- + Luật giáo dục số 38/2005/QH11 ngày 14/6/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật giáo dục số 44/2009/QH12 ngày 25/11/2009;
- + Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ Quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;
- + Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành chương trình giáo dục phổ thông;
- + Thông tư số 08/2016/TT-BGDĐT ngày 28/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định chế độ giảm định mức giờ dạy cho giáo viên, giảng viên làm công tác công đoàn không chuyên trách trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;
- + Thông tư số 22/2018/TT-BGDĐT ngày 28/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Giáo dục;

+ Thông tư số 31/2018/TT-BGDĐT ngày 24/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định thời gian tập sự theo chức danh nghề nghiệp giáo viên, giảng viên trong các cơ sở giáo dục công lập;

+ Thông tư số 33/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT Hướng dẫn công tác xã hội trong trường học;

+ Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc Ban hành Quy định dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

2.2. Văn bản riêng cho từng vị trí dự tuyển

- Chức danh giáo viên THCS

+ Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

+ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học;

+ Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;

+ Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 23/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông;

+ Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

+ Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và học sinh THPT;

+ Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở công lập.

- Chức danh giáo viên mầm non

+ Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ Trường mầm non;

+ Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non;

+ Thông tư số 48/2011/TT-BGDĐT ngày 25/10/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên mầm non;

+ Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;

+ Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non công lập;

+ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non;

+ Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.